

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 - 2025
của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12 tháng 7 năm 2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3859/QĐ-HĐĐH và 3860/QĐ-HĐĐH ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-HĐT ngày 21 tháng 6 năm 2024 phiên họp thứ 16 Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 - 2025 của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, các thành viên Hội đồng Trường, Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức và các cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thi hành./.

Nơi nhận:

- Hội đồng ĐHĐN (để báo cáo);
- Giám đốc ĐHĐN (để báo cáo);
- Đảng ủy Trường (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCHC, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



PGS. TS. Nguyễn Đình Lâm

ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2024 - 2025
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Nghị quyết số 110 /NQ-HĐT ngày 21 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của nhà trường

1.1. Nội dung hoạt động

Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng là trường đại học công lập thành viên của Đại học Đà Nẵng. Nhà trường có chức năng đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư, cử nhân các chuyên ngành kỹ thuật và công nghệ; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động

Sinh viên của Nhà trường là những người đã có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và vượt qua một kỳ thi quốc gia với sự cạnh tranh cao. Số lượng tuyển sinh hằng năm được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê chuẩn (khoảng 3200 sinh viên/năm).

Với hệ đào tạo sau đại học, học viên là các kỹ sư, cử nhân tham gia chương trình học thạc sĩ. Một số chuyên ngành của Nhà trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ, nghiên cứu sinh phần lớn là những người đã qua chương trình thạc sĩ.

Trường Đại học Bách khoa trực thuộc Đại học Đà Nẵng được phép tổ chức hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên khắp mọi miền của đất nước, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hoạt động giảng dạy của Nhà trường được tổ chức theo từng học kỳ, mỗi năm có 02 học kỳ chính thức và 01 học kỳ hè, kéo dài suốt hơn 10 tháng trong một năm.

1.3. Cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Nhà trường hoạt động theo cơ chế của một trường đại học thành viên trực thuộc Đại học Đà Nẵng, tuân thủ các quy định hoạt động của một cơ sở giáo dục công lập và các quy định khác của Nhà nước.

1.4. Thành phần các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường hiện có

- 14 Khoa chuyên môn;
- 08 Phòng chức năng, 01 Trung tâm thuộc Trường;

- 01 Tổ thuộc Trường;
- 10 Trung tâm, 01 Viện nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và dịch vụ đào tạo trực thuộc Trường;
- 04 Văn phòng: Đảng uỷ, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

- *Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi và thông điệp:*
 - + *Tầm nhìn:* Đến năm 2035, Trường ĐHBK-ĐHĐN là trường đại học nghiên cứu được cộng đồng quốc tế ghi nhận, chủ động hợp tác toàn cầu trong giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội trong nước và thế giới
 - + *Sứ mạng:* Là cơ sở giáo dục đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ; thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của miền Trung - Tây Nguyên, trong nước và quốc tế.
 - + *Triết lý giáo dục:* Tư duy – Sáng tạo – Nhân ái
 - + *Giá trị cốt lõi:* Chất lượng và Chuyên nghiệp - Đổi mới và Sáng tạo - Nhân văn và Liêm chính – Gắn kết và phục vụ cộng đồng
 - + *Thông điệp:* Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng là trường đại học kỹ thuật công lập định hướng nghiên cứu, hướng đến hệ sinh thái giáo dục nhân bản, đổi mới và sáng tạo; tạo cơ hội cho mọi người phát triển bản thân, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

- Từ năm 2022, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022-2025 ở phân loại đảm bảo chi thường xuyên theo Quyết định số 399/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nguồn kinh phí hoạt động của Nhà trường hiện nay dựa chủ yếu vào nguồn thu học phí nên phụ thuộc nhiều vào chính sách thu học phí. Với mục tiêu thu hút người học và tăng nguồn thu học phí, cơ sở vật chất của Nhà trường phải được đầu tư nhiều hơn mới có thể bắt kịp sự tăng mạnh này.

- Chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người dạy, người học.
- Ý thức tầm quan trọng của xã hội về giáo dục.
- Phong cách, khả năng, bản lĩnh của người lãnh đạo/quản trị Nhà trường.
- Nhu cầu của xã hội về ngành nghề đào tạo.
- Công cụ quản lý nhà trường được sử dụng.

3. Tính cấp thiết của việc xây dựng đề án vị trí việc làm

Trước năm 2024, Nhà trường thực hiện đề án vị trí việc làm theo hệ thống cũ đã xây dựng trước đây trong thời gian chờ các Bộ chuyên môn ban hành các văn bản quy phạm hướng dẫn chi tiết về các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần của Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên cơ sở Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 04/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học và các trường cao đẳng sư phạm công lập và Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng xây dựng “Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 – 2025” với mục đích:

- Xác định danh mục vị trí việc làm và số lượng tương ứng với mỗi vị trí việc làm;
- Làm cơ sở định biên số lượng người làm việc hằng năm;
- Làm căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển dụng hằng năm;
- Tối ưu hoá bộ máy vận hành để nâng cao chất lượng công việc;
- Phát huy năng lực của nguồn nhân sự đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm;
- Đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Nhà trường.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 32/CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;
- Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức

danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21 tháng 6 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cho Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng;

- Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

- Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

- Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Quyết định số 2055/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái, luân chuyển công chức, viên chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 399/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp;

- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 04/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học và các trường cao đẳng sư phạm công lập;

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12 tháng 7 năm 2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 9 năm

2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

- Nghị quyết số 93/NQ-HĐT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 3092/QĐ-ĐHBK ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng.



Phần II

MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng xây dựng “Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 – 2025” với mục tiêu hiện thực hoá tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Nhà trường trên cơ sở tối ưu hoá bộ máy vận hành nhằm phát huy năng lực của nguồn nhân lực đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Đồng thời Đề án vị trí việc làm cũng là căn cứ xác định danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc tương ứng với mỗi vị trí việc làm hằng năm. Từ đó, Nhà trường chủ động trong việc định hướng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm viên chức trên tinh thần các nội dung quy định của các cấp có thẩm quyền.

II. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 – 2025 của Trường Đại học Bách khoa thể hiện các nội dung về phân loại nhóm công việc, xác định danh mục vị trí việc làm, xác định nội dung công việc của từng vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm trong giai đoạn 2024 – 2025 của các đơn vị thuộc Nhà trường.

III. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

Đối tượng điều chỉnh của Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024 – 2025 của Trường Đại học Bách khoa bao gồm viên chức và người lao động trong chỉ tiêu biên chế của các đơn vị thuộc Nhà trường.

IV. YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

Việc xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm cần đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Thường trực Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trên cơ sở xác định danh mục vị trí việc làm của Nhà trường, việc xác định cơ cấu viên chức, người lao động theo vị trí việc làm cần đáp ứng yêu cầu sau: (1) Kế thừa và từng bước điều chỉnh để cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động trong các đơn vị thuộc Nhà trường; (2) Phù hợp với chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị thuộc Trường theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà trường; (3) Xác định đúng về thực trạng cơ cấu vị trí việc làm cũng như số lượng người làm việc hiện có trong Nhà trường để có cơ sở điều chỉnh và cải tiến những vấn đề còn tồn tại đồng thời chú trọng việc phát triển đội ngũ nhân lực nhằm đạt được những mục tiêu chiến lược đã đề ra.



Phần III

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ

I. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TRÌNH ĐỘ VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ

1. Số lượng, trình độ viên chức, người lao động thực tế sử dụng

- Viên chức: 507 người

- Người lao động: 38 người

a) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo

+ Tiến sĩ: 263 người tỷ lệ: 48,26%

+ Thạc sĩ: 154 người tỷ lệ: 28,26%

+ Đại học: 87 người tỷ lệ: 15,96%

+ Trình độ khác: 41 người tỷ lệ: 7,52%

b) Trình độ lý luận chính trị

+ Cao cấp: 21 người tỷ lệ: 3,85%

+ Cử nhân chính trị: 0 người tỷ lệ: 0%

+ Trung cấp: 69 người tỷ lệ: 12,66%

+ Chưa qua đào tạo: 455 người tỷ lệ: 83,49%

c) Giới tính

+ Nam: 346 người tỷ lệ: 63,49%

+ Nữ: 199 người tỷ lệ: 36,51%

d) Độ tuổi

+ Từ 30 tuổi trở xuống: 26 người tỷ lệ: 4,77%

+ Từ 31 tuổi đến 40 tuổi: 220 người tỷ lệ: 40,37%

+ Từ 41 tuổi đến 50 tuổi: 202 người tỷ lệ: 37,06%

+ Từ 51 tuổi đến 60 tuổi: 81 người tỷ lệ: 14,86%

+ Trên 60 tuổi: 13 người tỷ lệ: 2,39%

II. THỰC TRẠNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU NGẠCH VIÊN CHỨC TRONG ĐƠN VỊ

1. Thực trạng vị trí việc làm trong đơn vị

1.1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý điều hành của đơn vị

a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý điều hành của đơn vị

- Chủ tịch Hội đồng trường/ Hiệu trưởng: 02 vị trí

- Phó Hiệu trưởng: 01 vị trí

b) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý điều hành đơn vị thuộc Trường (các phòng, khoa, tổ,...)

- Cấp trưởng đơn vị: 01 vị trí
- Cấp phó đơn vị: 01 vị trí

c) Vị trí điều hành các tổ chức cấu thành đơn vị thuộc Trường

- Trưởng Bộ môn: 01 vị trí

1.2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành

- Giảng viên cao cấp (hạng I): 03 vị trí
- Giảng viên chính (hạng II): 03 vị trí
- Giảng viên (hạng III): 02 vị trí
- Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính): 02 vị trí
- Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành): 02 vị trí
- Trợ giảng: 01 vị trí

1.3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

- Chuyên viên chính và tương đương: 03 vị trí
- Chuyên viên và tương đương: 05 vị trí
- Cán sự và tương đương: 03 vị trí

1.4. Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ

- Nhân viên bảo vệ: 01 vị trí
- Nhân viên kỹ thuật: 01 vị trí
- Nhân viên phục vụ: 01 vị trí

2. Biên chế theo vị trí việc làm trong đơn vị:

- a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 102 người
- b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 313 người
- c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 92 người
- d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 38 người
- e) Tỷ lệ vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trên tổng số người làm việc trong đơn vị: 74,31%

3. Thực trạng cơ cấu chức danh nghề nghiệp của viên chức, người làm việc

- | | |
|--|---------------|
| - Giảng viên cao cấp: 58 người | tỷ lệ: 10,64% |
| - Giảng viên chính: 132 người | tỷ lệ: 24,22% |
| - Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính): 02 người | tỷ lệ: 0,37% |

- | | |
|---|---------------|
| - Giảng viên: 158 người | tỷ lệ: 28,99% |
| - Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành): 37 người | tỷ lệ: 6,79% |
| - Trợ giảng: 17 người | tỷ lệ: 3,12% |
| - Chuyên viên chính và tương đương: 4 người | tỷ lệ: 0,73% |
| - Chuyên viên và tương đương: 93 người | tỷ lệ: 17,07% |
| - Cán sự và tương đương: 3 người | tỷ lệ: 0,55% |
| - Nhân viên và tương đương: 41 người | tỷ lệ: 7,52% |

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đối với việc xây dựng Đề án Vị trí việc làm

Trước khi Nghị định số 106/2020/NĐ-CP có hiệu lực, các Đề án vị trí việc làm trước đây được Nhà trường ban hành dựa trên các văn bản quy định cũ đã bộc lộ những hạn chế về nội dung như xác định vị trí việc làm, phân loại nhóm công việc hay xác định số lượng người làm việc theo từng giai đoạn.

Đề án vị trí việc làm hiện tại dựa trên các hướng dẫn hiện hành đã quy định chi tiết hơn trong việc xác định từng vị trí việc làm theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp, theo khối lượng công việc hoặc theo tính chất, nội dung công việc phù hợp với tình hình, đặc thù của Nhà trường. Từ đó là cơ sở cho lãnh đạo các cấp của Nhà trường có được cái nhìn tổng quan hơn trong công tác phân công công việc, bố trí nguồn nhân sự và đánh giá hiệu quả công việc từ cá nhân đến các đơn vị thuộc Nhà trường.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm của Nhà trường như: 1) Việc xác định vị trí việc làm của khối hành chính còn nhiều mơ hồ vì có một số vị trí tồn tại từ trước do đặc thù của Nhà trường còn trong văn bản hướng dẫn lại chưa bao phủ hết nội dung; 2) Việc xác định nội dung công việc đối với các vị trí việc làm khối hành chính còn chưa nhất quán vì thực tiễn thực hiện đa dạng các loại công việc khác nhau để có thể gọi tên, nếu liệt kê ra hết thì sẽ rất nhiều, còn không liệt kê thì khó để có nhận định đúng về khối lượng công việc thực tế; 3) Hiện tại Nhà trường vẫn đang vận dụng tạm thời nội dung về các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định do Bộ Nội vụ ban hành cho nên vẫn chưa thật sự sát sao với đặc thù của vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục đại học công lập (ví dụ như một trong các chức năng của Nhà trường là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vì vậy mảng công tác này của Nhà trường do một đơn vị chức năng quản lý và cần phải có vị trí việc làm tương ứng để phụ trách. Tuy nhiên trong danh mục vị trí việc làm chuyên môn dùng chung của Bộ Nội vụ lại chưa có vị trí việc làm về quản lý mảng khoa học công nghệ).

2. Đánh giá thực trạng đội ngũ

Tính đến thời điểm xây dựng Đề án, cơ cấu đội ngũ viên chức, người lao động của Nhà trường hiện đang đảm bảo tỷ lệ cơ bản đối với từng nhóm vị trí việc làm theo quy định. Trong đó tỷ lệ vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung là 74,31% trên tổng số người làm việc (tỷ lệ tối thiểu là 65%). Tỷ lệ nhóm các chức danh giảng viên (hạng I, II, III) là 71,01%; tỷ lệ chức danh trợ giảng là 3,12% và tỷ lệ viên chức, người lao động khối hành chính là 25,87%.

Nhà trường đang hướng đến mục tiêu tăng số lượng các nhóm chức danh giảng viên nhằm tăng cường công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thông qua công tác tuyển dụng, chính sách đãi ngộ thu hút nhân tài và truyền thông học hiệu. Đồng thời, một trong những mục tiêu trọng tâm của Trường đó là tăng cường chất lượng và số lượng của đội ngũ vị trí việc làm chuyên môn dùng chung nhằm đảm bảo các hoạt động chung trong Nhà trường ngày càng chuyên nghiệp hơn và theo đúng các quy định của pháp luật.

Bảng 1. Số lượng người tương ứng với chức danh nghề nghiệp của đơn vị (Đơn vị tính: người)

STT	Đơn vị	Số lượng người tương ứng với chức danh nghề nghiệp của đơn vị										
		Tổng số có mặt	Giảng viên cao cấp	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương	Giảng viên chính	Chuyên viên chính và tương đương	Giảng viên	Trợ giảng	Chuyên viên và tương đương	Nhân viên, cán sự,...	Khác	Ghi chú
01	Hội đồng trường	01	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0
02	Ban Giám hiệu	04	03	0	01	0	0	0	0	0	0	0
03	Phòng Tổ chức – Hành chính	41	0	0	02	0	01	0	10	28	0	0
04	Phòng Đào tạo	13	02	0	0	01	0	0	10	0	0	0
05	Phòng Công tác Sinh viên	14	0	0	02	0	0	0	08	04	0	0
06	Phòng Cơ sở Vật chất	24	0	0	02	0	0	0	12	10	0	0
07	Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế	06	01	0	01	0	01	0	03	0	0	0
08	Phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục	06	01	0	01	0	0	0	04	0	0	0

STT	Đơn vị	Số lượng người tương ứng với chức danh nghề nghiệp của đơn vị										
		Tổng số có mặt	Giảng viên cao cấp	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương	Giảng viên chính	Chuyên viên chính và tương đương	Giảng viên	Trợ giảng	Chuyên viên và tương đương	Nhân viên, cán sự,...	Khác	Ghi chú
09	Phòng Thanh tra – Pháp chế	03	0	0	0	01	0	0	02	0	0	0
10	Phòng Kế hoạch – Tài chính	07	0	0	0	0	0	0	07	0	0	0
11	Trung tâm Học liệu và Truyền thông	14	0	0	01	01	0	0	11	01	0	0
12	Tổ Công nghệ Thông tin	05	0	0	0	01	0	0	04	0	0	0
13	Khoa Cơ khí	35	02	0	12	0	17	02	02	0	0	0
14	Khoa Cơ khí Giao thông	41	05	0	07	0	27	01	01	0	0	0
15	Khoa Công nghệ Nhiệt – Điện lạnh	19	04	0	05	0	07	02	01	0	0	0
16	Khoa Công nghệ Thông tin	26	01	0	07	0	16	01	01	0	0	0



STT	Đơn vị	Số lượng người tương ứng với chức danh nghề nghiệp của đơn vị										
		Tổng số có mặt	Giảng viên cao cấp	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương	Giảng viên chính	Chuyên viên chính và tương đương	Giảng viên	Trợ giảng	Chuyên viên và tương đương	Nhân viên, cán sự,...	Khác	Ghi chú
17	Khoa Điện	37	05	0	16	0	13	03	01	0	0	0
18	Khoa Điện tử - Viễn thông	23	04	0	06	0	11	01	01	0	0	0
19	Khoa Hoá	46	07	0	15	0	20	02	01	01	0	0
20	Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến	15	01	0	03	0	07	0	04	0	0	0
21	Khoa Kiến trúc	21	01	0	04	0	13	02	01	0	0	0
22	Khoa Môi trường	22	04	0	08	0	09	0	01	0	0	0
23	Khoa Quản lý Dự án	23	01	0	09	0	11	01	01	0	0	0
24	Khoa Xây dựng Cầu đường	44	09	0	17	0	16	01	01	0	0	0
25	Khoa Xây dựng Công trình	22	03	0	05	0	13	0	01	0	0	0



STT	Đơn vị	Số lượng người tương ứng với chức danh nghề nghiệp của đơn vị										
		Tổng số có mặt	Giảng viên cao cấp	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương	Giảng viên chính	Chuyên viên chính và tương đương	Giảng viên	Trợ giảng	Chuyên viên và tương đương	Nhân viên, cán sự,...	Khác	Ghi chú
	thủy											
26	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	29	04	0	10	0	13	01	01	0	0	0
27	Văn phòng Đảng uỷ - Hội đồng trường - Công đoàn – Đoàn Thanh niên	04	0	0	0	0	0	0	04	0	0	0

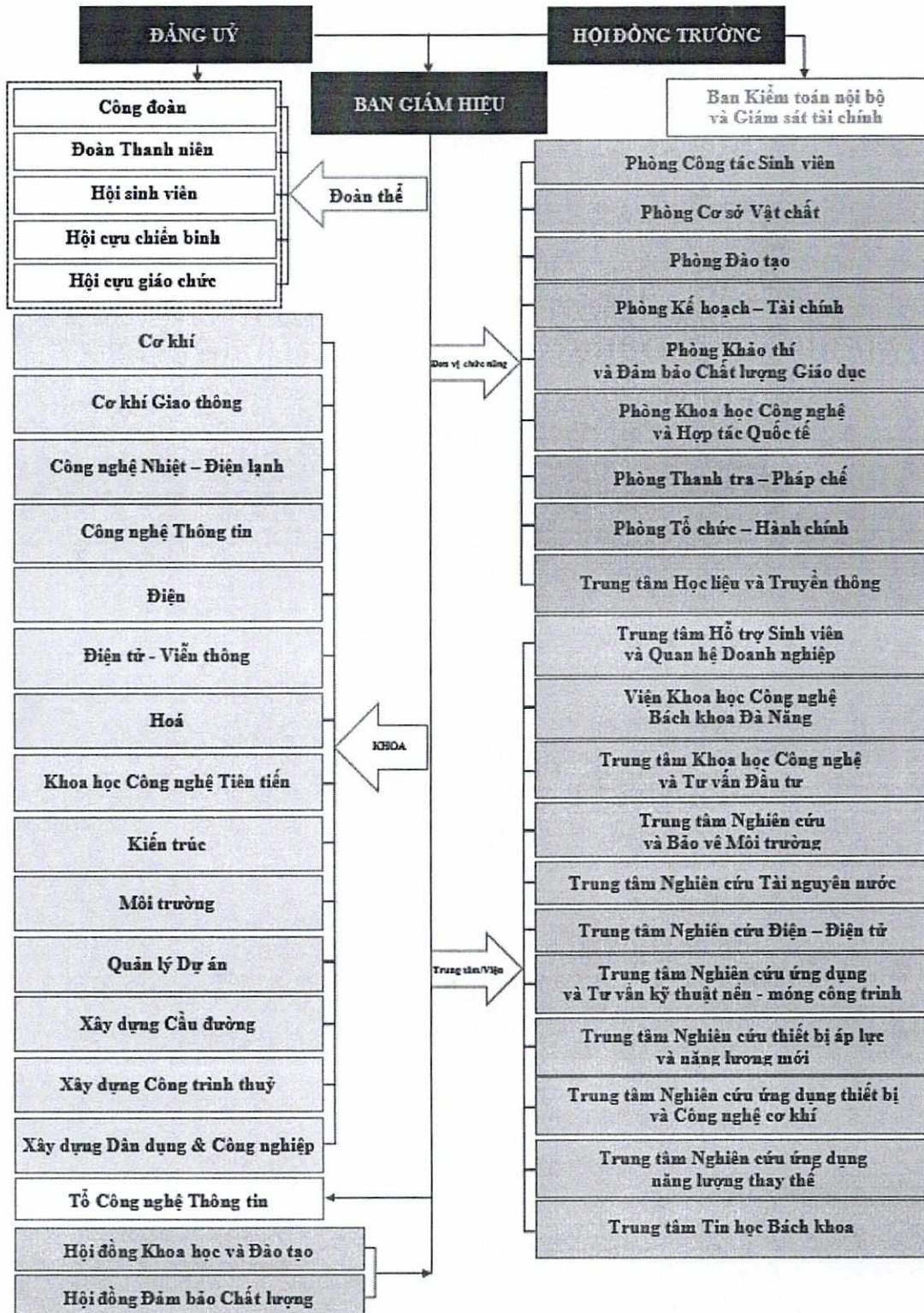


Phần IV

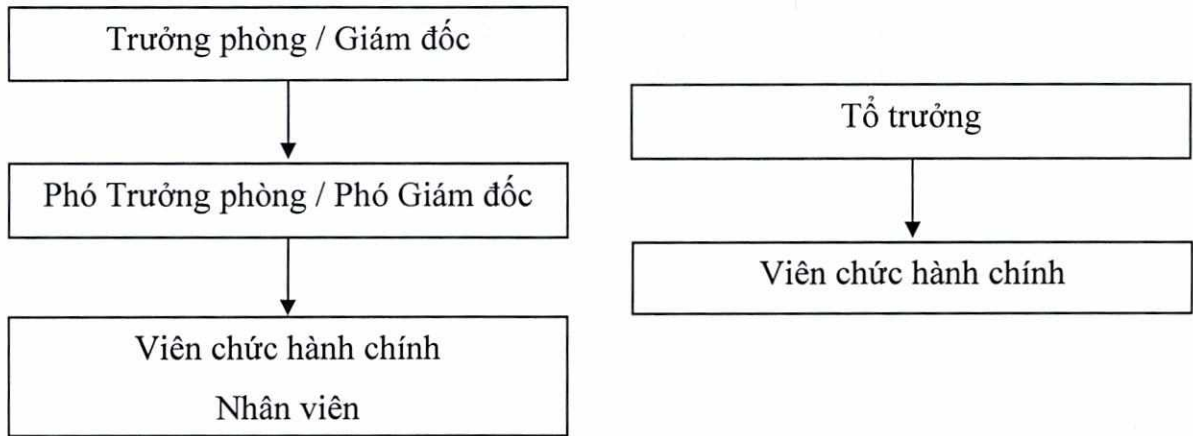
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

I. MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

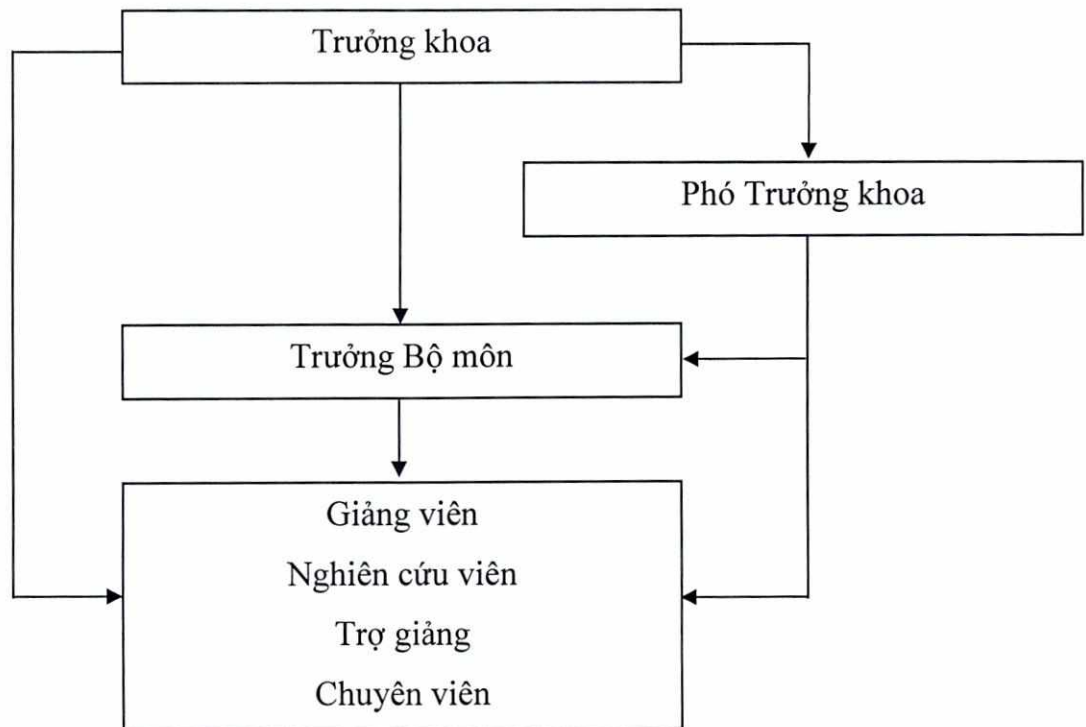
1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Nhà trường



2. Sơ đồ tổ chức Phòng chức năng, Trung tâm, Tổ thuộc Trường



3. Sơ đồ tổ chức Khoa chuyên môn



II. PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC

STT	Nhóm công việc	Chức danh – Vị trí
I	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý	
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý của đơn vị	Chủ tịch Hội đồng trường
		Hiệu trưởng
		Phó Hiệu trưởng
2	Nhóm lãnh đạo cấp đơn vị thuộc	Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm thuộc Trường
		Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa, Phó Giám đốc Trung tâm thuộc Trường

		Thư ký Hội đồng trường / Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính
		Tổ trưởng Tổ thuộc Trường
		Trưởng Bộ môn
		Phụ trách Văn phòng Đảng uỷ
II	Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp	
1	Giảng dạy	Giảng viên (hạng I, II, III)
		Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành (hạng II, III)
		Trợ giảng
2	Nghiên cứu	Nghiên cứu viên (hạng I, II, III)
3	Chuyên môn dùng chung	Viên chức hành chính (chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự và các chức danh nghề nghiệp tương đương)
III	Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ	
1	Hỗ trợ, phục vụ	Nhân viên bảo vệ, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ

Phần V

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Việc xác định vị trí việc làm và danh mục vị trí việc làm dựa trên 1) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Nhà trường; 2) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành. (Phụ lục I)

1. Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành

1.1. Đối với Hội đồng trường

Chủ tịch Hội đồng trường là người đứng đầu Hội đồng trường và thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường theo quy định của pháp luật:
 - “a) Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của Trường.
 - b) Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường và các văn bản quy phạm khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường sau khi có ý kiến của Giám đốc ĐHĐN, phù hợp với quy định của pháp luật và của ĐHĐN.
 - c) Thành lập bộ máy giúp việc và cơ quan kiểm soát hoạt động của Hội đồng trường.
 - d) Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Trường với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.
 - đ) Ban hành nghị quyết thống nhất chủ trương và ủy quyền cho Hiệu trưởng ban hành quyết định về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, tổ chức sắp xếp lại các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí.
 - e) Quyết định và trình Hội đồng ĐHĐN công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa theo quy trình nhân sự hiện hành của ĐHĐN; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng sau khi có ý kiến của Giám đốc ĐHĐN theo quy trình nhân sự hiện hành của ĐHĐN; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Chủ tịch Hội đồng trường, của Hiệu trưởng và trình ĐHĐN quyết định mức xếp loại chất lượng theo thẩm quyền; quyết định mức xếp loại chất lượng viên chức đối với các Phó Hiệu trưởng, Kế Toán trưởng; lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng vào giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất trong trường hợp cần thiết.
 - g) Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Trường; chính sách học phí, hỗ trợ người học; thông qua kế hoạch tài chính trung hạn và hằng năm; thông



qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Trường.

h) Quyết định nội dung đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của Trường; quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường theo kết quả, hiệu quả công việc và vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Trường.

i) Giám sát việc thực hiện quyết định của Hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Trường; báo cáo hằng năm trước hội nghị toàn thể viên chức, người lao động của Trường về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng trường.

k) Báo cáo Giám đốc ĐHĐN về các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Trường theo phân cấp quản lý được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12 tháng 7 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng ĐHĐN (sau đây gọi là Quy chế tổ chức và hoạt động hiện hành của ĐHĐN).

l) Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, thực hiện báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng ĐHĐN (thông qua Thường trực Hội đồng) về kết quả hoạt động của Hội đồng trường, của Hiệu trưởng; báo cáo Hội đồng Đại học Đà Nẵng về các nghị quyết đã thông qua.

m) Triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến hoạt động của Hội đồng trường trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng ĐHĐN.

n) Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng ĐHĐN.

o) Tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của Hội đồng trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường; chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong Trường.

p) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.”

- Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của Nhà trường;
- Chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng trường;
- Sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của Nhà trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường.

1.2. Đối với Ban Giám hiệu

1.2.1. Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật của Nhà trường, chịu trách nhiệm trực tiếp về quản lý và điều hành tất cả các hoạt động của Trường theo quy định của Pháp luật. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng tuân thủ theo Luật Giáo dục đại học ngày 18

tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 như sau:

- “Ban hành các quy chế, quy định trong cơ sở giáo dục đại học theo nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng quản trị, hội đồng đại học;
- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của cơ sở giáo dục đại học theo nghị quyết của hội đồng trường; bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm các chức danh trưởng, phó các tổ chức của cơ sở giáo dục đại học;
- Tổ chức thực hiện nghị quyết của hội đồng trường;
- Xây dựng quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định;
- Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp thu ý kiến và chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong cơ sở giáo dục đại học;
- Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của hiệu trưởng và ban giám hiệu trước hội đồng trường, hội đồng quản trị, hội đồng đại học;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”

Trích Điều 20 Luật Giáo dục đại học và Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

1.2.2. Giúp việc cho Hiệu trưởng có các Phó Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao. Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Giám hiệu thực hiện theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng” và các văn bản pháp luật liên quan.

1.3. Đối với cấp Quản lý các đơn vị thuộc Trường

Bao gồm các Khoa, Phòng, Trung tâm và Tổ thuộc Trường.

Về mảng hoạt động nghề nghiệp, các cấp quản lý bao gồm: Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa. Nhiệm vụ chung là (1) đảm bảo hoạt động của đơn vị được triển khai và thực hiện theo kế hoạch của Trường; (2) thúc đẩy phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học theo mục tiêu hằng năm và (3) quản lý nhân sự của đơn vị.

Về mảng phục vụ, hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp, các cấp quản lý bao gồm: Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng chức năng, Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm, Tổ trưởng Tổ thuộc Trường. Nhiệm vụ chung là (1) đảm bảo hoạt động của đơn vị được triển khai và thực hiện theo kế hoạch của Trường và của mỗi đơn vị; (2) điều phối nhân sự để phối hợp,

hỗ trợ phục vụ các công tác hoạt động nghề nghiệp khi có yêu cầu và (3) xây dựng và thúc đẩy phát triển các công tác chuyên môn của đơn vị.

Về mảng hoạt động chính trị và xã hội có các Văn phòng đoàn thể và các tổ chức xã hội do người phụ trách quản lý. Tùy thuộc vào chức năng và nhiệm vụ của các văn phòng và các tổ chức mà mỗi người phụ trách đơn vị có chức danh khác nhau, được Đảng ủy – Ban Giám hiệu phân công nhiệm vụ cụ thể. Người phụ trách các đơn vị có nhiệm vụ theo sát các hoạt động và đảm bảo công tác tổ chức được triển khai đúng mục đích, yêu cầu cũng như báo cáo thường xuyên cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu.

Ngoài ra, các cấp quản lý các đơn vị thuộc trường còn có nhiệm vụ tham mưu, đóng góp xây dựng và hoàn thiện các kế hoạch, chủ trương về những vấn đề liên quan và đảm bảo báo cáo tình hình của đơn vị thường xuyên đến cấp quản lý liên kế.

Quyền hạn và trách nhiệm của các cấp quản lý các đơn vị thuộc Trường tuân thủ theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng”

1.4. Đối với cấp quản lý các đơn vị thuộc Khoa

Các đơn vị thuộc Khoa gồm các Bộ môn. Có nhiệm vụ là (1) thực hiện công tác theo phân công, phân công của lãnh đạo Khoa và lãnh đạo Trường; (2) đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động tại đơn vị chịu trách nhiệm phụ trách và (3) báo cáo thường xuyên đến các cấp liên quan.

Quyền hạn và trách nhiệm của các cấp quản lý các đơn vị thuộc Khoa tuân thủ theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng”

2. Nhóm Hoạt động nghề nghiệp

Những nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp chính của Trường là giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Phân nhóm hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại trường bao gồm các viên chức ở các chức danh nghề nghiệp giảng viên, nghiên cứu viên, trợ giảng các cấp. Phân nhóm hoạt động nghề nghiệp chuyên môn dùng chung tại trường bao gồm các viên chức, người lao động ở các ngạch chuyên viên, kỹ sư, kế toán viên, thư viện viên, cán sự, bác sĩ, y sĩ, kỹ thuật viên.

Chức năng và nhiệm vụ của các chức danh giảng viên cơ sở giáo dục đại học (gọi chung là Giảng viên) được phân bổ tuân thủ theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, quy chế làm việc của giảng viên do Đại học Đà Nẵng và Nhà trường ban hành. Nhiệm vụ chung của Giảng viên bao gồm (1) giảng dạy; (2) nghiên cứu khoa học (3) phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác (gọi chung là nhiệm vụ khác) được Ban Giám hiệu phân công.

Đối với nhiệm vụ khác, bên cạnh các nhiệm vụ được BGH phân công, giảng viên cần chủ động đóng góp ý kiến tích cực xây dựng kế hoạch chiến lược, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, đảm bảo chất lượng của Nhà trường, là nòng cốt trong công cuộc phát triển và đổi mới sáng tạo cũng như là tấm gương sáng, nhiệt huyết để thúc đẩy, dẫn dắt thế hệ trẻ tiếp bước nghề nghiệp.

Đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, nhiệm vụ chung là không thay đổi và nghĩa vụ giảng dạy tuân theo định mức giờ chuẩn giảng dạy tối thiểu theo các quy định hiện hành.

Đối với chức danh Giáo sư, Phó giáo sư, nhiệm vụ dựa theo quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định liên quan.

2.1 Giảng viên cao cấp

Nhiệm vụ của giảng viên cao cấp (hạng I) thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Quyết định số 3092/QĐ-ĐHBK ngày 08/8/2022 về Quy định chế độ làm việc giảng viên Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

a) Giảng dạy; hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

b) Chủ trì, tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài NCKH; định hướng NCKH cho khoa, nhóm chuyên môn;

d) Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài NCKH; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của khoa và chuyên ngành; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

đ) Tổ chức hướng dẫn người học NCKH; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng;

e) Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành;

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH;

h) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, Đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.2. Giảng viên chính

Nhiệm vụ của giảng viên chính (hạng II) thực hiện theo khoản 4 Điều 3 Quyết định số 3092/QĐ-ĐHBK ngày 08/8/2022 về Quy định chế độ làm việc giảng viên Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

b) Chủ trì, tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Chủ trì, tham gia đánh giá các đề án, đề tài NCKH; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

đ) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

e) Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành;

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH;

h) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, Đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.3. Giảng viên

Nhiệm vụ của giảng viên (hạng III) thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 3092/QĐ-ĐHKB ngày 08/8/2022 về Quy định chế độ làm việc giảng viên Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo);

d) Tổ chức, tham gia các hoạt động NCKH; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài NCKH cấp cơ sở, các đề tài sinh viên NCKH; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

đ) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập;

e) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH;

g) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, Đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.4. Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)

Nhiệm vụ của giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) thực hiện theo khoản 3 Điều 3 Quyết định số 3092/QĐ-ĐHBK ngày 08/8/2022 về Quy định chế độ làm việc giảng viên Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

a) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp; Hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thảo luận, khảo sát thực địa, kiến tập, thực tập, kể cả các hoạt động này trong các học phần Đồ án môn học, Dự án PBL (Project Based Learning), Đồ án tốt nghiệp...;

b) Xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao: chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất... phục vụ thực hành, thí nghiệm; quản lý, bảo trì, đề xuất sửa chữa/thay thế trang thiết bị tại phòng thực hành, thí nghiệm; đảm bảo các nguyên tắc an toàn tại phòng thực hành, thí nghiệm;

c) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo);

đ) Tổ chức, tham gia các hoạt động NCKH; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài NCKH cấp cơ sở, các đề tài sinh viên NCKH; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

e) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH;

g) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, Đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

h) Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của cấp trên.

2.5. Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)

Nhiệm vụ của giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) thực hiện theo khoản 3 Điều 3 Quyết định số 3092/QĐ-ĐHBK ngày 08/8/2022 về Quy định chế độ làm việc giảng viên Trường Đại học Bách khoa,

Đại học Đà Nẵng, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

a) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp; Hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thảo luận, khảo sát thực địa, kiến tập, thực tập, kể cả các hoạt động này trong các học phần Đồ án môn học, Dự án PBL (Project Based Learning), Đồ án tốt nghiệp...;

b) Xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao: chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất... phục vụ thực hành, thí nghiệm; quản lý, bảo trì, đề xuất sửa chữa/thay thế trang thiết bị tại phòng thực hành, thí nghiệm; đảm bảo các nguyên tắc an toàn tại phòng thực hành, thí nghiệm;

c) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo);

đ) Tổ chức, tham gia các hoạt động NCKH; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài NCKH cấp cơ sở, các đề tài sinh viên NCKH; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

e) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH;

g) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, Đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

h) Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của cấp trên.

2.6. Trợ giảng

Nhiệm vụ của trợ giảng (hạng III) thực hiện theo khoản 1 Điều 3 Quyết định số 3092/QĐ-ĐHKB ngày 08/8/2022 về Quy định chế độ làm việc giảng viên Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

a) Hỗ trợ giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, hướng dẫn sinh viên NCKH thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập và chấm bài;

b) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH;

c) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, Đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.7. Nghiên cứu viên hạng I, II, III

Nhiệm vụ của nghiên cứu viên (hạng III) thực hiện theo Điều 6 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV, Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN, theo nội dung công việc

trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

- “a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh;
- b) Trực tiếp nghiên cứu, tham gia các hoạt động điều tra, khảo sát, phục vụ nghiên cứu và hướng dẫn, kiểm tra các trợ lý nghiên cứu thực hiện các nội dung nghiên cứu, thí nghiệm được giao; tham gia các sinh hoạt học thuật chuyên ngành;
- c) Viết báo cáo tổng kết nhiệm vụ khoa học và công nghệ, biên soạn tài liệu, thông tin nhằm phổ biến và ứng dụng rộng rãi các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.”

- Trích Điều 6 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV

Các chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I), nghiên cứu viên chính (hạng II) thực hiện nhiệm vụ theo Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV, Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN.

2.8. Kỹ sư

Nhiệm vụ của Kỹ sư (hạng III) thực hiện theo Điều 10 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ quy đổi trong các quy định liên quan.

- “a) Xây dựng, tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao nhằm bảo đảm các hoạt động thường xuyên của quá trình phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ;
- b) Chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- c) Thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện công tác quản lý công nghệ trong phạm vi được giao, tham gia biên soạn và nghiên cứu xây dựng hoàn chỉnh hệ thống định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật của lĩnh vực công nghệ đảm nhiệm.”

- Trích Điều 10 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV

Đối với các vị trí kỹ sư tại các đơn vị chức năng thuộc Trường, thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung tương tự với chức danh chuyên viên (mục 2.10)

2.9. Chuyên viên chính

Nhiệm vụ của chuyên viên chính (hạng II) thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

- “a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; xây dựng, hoàn thiện thể chế hoặc cơ chế quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao quản lý;
- b) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực, địa phương; nghiên cứu, xây dựng đề tài, đề án, công trình nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức;



- c) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng báo cáo tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý;
- d) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách chuyên môn nghiệp vụ; tham gia đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.”

- Trích Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV

Tại mỗi đơn vị, chuyên viên chính đảm nhiệm ít nhất 02 VTVL (hoặc mảng công việc có khối lượng tương đương) cố định và thực hiện các công tác chuyên môn đột xuất ngắn hạn của đơn vị.

Có kỹ năng làm việc nhóm và hỗ trợ, đảm nhận công việc của các chuyên viên trong nhóm hoặc mảng liên quan khi có yêu cầu. Có khả năng hỗ trợ, thay thế VTVL của chuyên viên chính khác cùng đơn vị trong thời gian quy định khi có yêu cầu.

Đóng góp tích cực cho kế hoạch, phương án hoạt động tại đơn vị. Liên tục cập nhật và chủ động tham mưu, tổng hợp và triển khai thực hiện chế độ, chính sách theo lĩnh vực chuyên môn đến các cấp quản lý.

2.10. Chuyên viên

Nhiệm vụ của chuyên viên (hạng III) thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

- “a) Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực, địa phương; tham gia xây dựng cơ chế, các quyết định cụ thể của từng nội dung quản lý theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế;
- b) Tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các vấn đề cụ thể; chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, các công chức khác trong việc thực hiện công việc đúng thẩm quyền, trách nhiệm được giao;
- c) Tham gia kiểm tra, thu thập thông tin, thống kê, quản lý hồ sơ, lưu trữ tư liệu, số liệu nhằm phục vụ công tác;
- d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đề xuất các biện pháp để thực hiện các quy định hoặc quyết định quản lý đạt kết quả;
- đ) Trực tiếp thực thi công vụ và các nhiệm vụ khác được cấp trên giao.”

- Trích Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV

Chuyên viên làm việc tại mỗi đơn vị phụ trách ít nhất 01 VTVL (hoặc mảng công việc có khối lượng tương đương) cố định và thực hiện các công tác chuyên môn đột xuất ngắn hạn của đơn vị.

Có kỹ năng làm việc nhóm và hỗ trợ, đảm nhận công việc của các chuyên viên trong nhóm hoặc mảng liên quan trong thời gian ngắn hạn khi có yêu cầu. Có khả năng hỗ trợ VTVL của chuyên viên khác cùng đơn vị trong thời gian quy định khi có yêu cầu.

Đóng góp tích cực cho kế hoạch, phương án hoạt động tại đơn vị. Liên tục cập nhật và chủ động đề xuất giải pháp cải tiến cho lĩnh vực chuyên môn đến các cấp quản lý đơn vị.

2.11. Cán sự

Nhiệm vụ của cán sự thực hiện theo Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

- “a) Tham gia thực hiện hoặc hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý của cơ quan, tổ chức;
- b) Tham gia xây dựng và thực hiện chế độ quản lý hồ sơ tài liệu, tổ chức thống kê lưu trữ các tài liệu, số liệu đầy đủ, chính xác theo yêu cầu nhiệm vụ;
- c) Trực tiếp thực thi công vụ và các nhiệm vụ khác được cấp trên giao.”

- Trích Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BNV

Cán sự làm việc tại mỗi đơn vị phụ trách ít nhất 0.5 VTVL (hoặc mảng công việc có khối lượng tương đương) cố định và thực hiện các công tác chuyên môn đột xuất ngắn hạn của đơn vị.

Có kỹ năng làm việc nhóm và hỗ trợ, đảm nhận công việc của các chuyên viên, cán sự trong nhóm hoặc mảng liên quan trong thời gian ngắn hạn khi có yêu cầu. Có khả năng hỗ trợ VTVL của cán sự khác cùng đơn vị trong thời gian quy định khi có yêu cầu.

Đóng góp tích cực cho kế hoạch, phương án hoạt động tại đơn vị. Liên tục cập nhật và chủ động đề xuất giải pháp cải tiến cho lĩnh vực chuyên môn đến các cấp quản lý đơn vị.

2.12. Bác sĩ – Y sĩ

Nhiệm vụ của bác sĩ (hạng III) và y sĩ (hạng IV) thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi bổ sung, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

Đóng góp tích cực cho kế hoạch, phương án hoạt động tại đơn vị. Liên tục cập nhật và chủ động đề xuất giải pháp cải tiến cho lĩnh vực chuyên môn đến các cấp quản lý đơn vị.

2.13. Thư viện viên

Nhiệm vụ của thư viện viên hạng II và thư viện viên hạng III thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

Đóng góp tích cực cho kế hoạch, phương án hoạt động tại đơn vị. Liên tục cập nhật và chủ động đề xuất giải pháp cải tiến cho lĩnh vực chuyên môn đến các cấp quản lý đơn vị.

2.14. Kế toán viên

Nhiệm vụ của kế toán viên các cấp thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 Thông tư số 29/2022/TT-BTC, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

Đóng góp tích cực cho kế hoạch, phương án hoạt động tại đơn vị. Liên tục cập nhật và chủ động đề xuất giải pháp cải tiến cho lĩnh vực chuyên môn đến các cấp quản lý đơn vị.

2.15. Kỹ thuật viên

Nhiệm vụ của kỹ thuật viên (hạng IV) thực hiện theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

Đóng góp tích cực cho kế hoạch, phương án hoạt động tại đơn vị. Liên tục cập nhật và chủ động đề xuất giải pháp cải tiến cho lĩnh vực chuyên môn đến các cấp quản lý đơn vị.

2.16. Nhóm Hỗ trợ - Phục vụ

Nhiệm vụ của nhân viên thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, theo nội dung công việc trong bản mô tả vị trí việc làm và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan khác.

“Thực hiện các công việc cụ thể theo yêu cầu của vị trí việc làm và các nhiệm vụ khác khi được cấp trên giao.”

- Trích Điều 9 Thông tư số 02/2021/TT-BNV

Ngoài ra, đối tượng thuộc nhóm Hỗ trợ - Phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp tuân thủ quyền hạn và trách nhiệm theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng”.

Vị trí việc làm được mô tả cụ thể theo các văn bản pháp luật hiện hành, được trình bày chi tiết theo mẫu tại Phụ lục IV – (Mẫu) Bảng mô tả công việc và khung năng lực tương ứng của từng vị trí việc làm.

II. XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Việc xác định số lượng người làm việc được thực hiện theo các căn cứ sau: 1) Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập; 2) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; 3) Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị. Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng giai đoạn và từng năm dựa trên chiến lược phát triển của Nhà trường. (Phụ lục II)

III. KHUNG NĂNG LỰC CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Khung năng lực của từng vị trí việc làm trong Nhà trường căn cứ theo các quy định hiện hành của pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng và đặc thù của Nhà trường. (Phụ lục III)

IV. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐƠN VỊ

Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Nhà trường giai đoạn 2024-2025.

STT	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh nghề nghiệp	Tháng 6/2024		Tháng 12/2024		Tháng 12/2025	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
01	Giảng viên	Hạng I	58	10,64	91	15,72	122	20,10
		Hạng II	134	24,59	162	27,98	169	27,84
		Hạng III	195	35,78	164	28,32	151	24,88
02	Trợ giảng	Hạng III	17	3,12	16	2,76	17	2,80
03	Chuyên viên	Hạng II	03	0,55	03	0,52	03	0,49
		Hạng III	68	12,48	71	12,26	73	12,03
04	Kỹ sư Kế toán viên Bác sĩ	Hạng III	20	3,67	22	3,80	22	3,62
05	Thư viện viên	Hạng II	01	0,18	01	0,17	01	0,16
		Hạng III	05	0,92	05	0,86	05	0,82
06	Cán sự Kỹ thuật viên Y sĩ	Hạng IV	03	0,55	03	0,52	03	0,49
07	Nhân viên	Hạng V	03	0,55	03	0,52	03	0,49
08	Người lao động theo HĐ 111		38	6,97	38	6,56	38	6,26
	Tổng		545	100%	579	100%	607	100%

Phần VI**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****I. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN****1. Hội đồng trường**

- Phê duyệt danh mục vị trí việc làm làm cơ sở xây dựng Đề án vị trí việc làm của Nhà trường.

- Phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường và giám sát hiệu quả của Đề án sau khi ban hành.

2. Ban Giám hiệu

- Chỉ đạo thực hiện việc xây dựng, điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, Đề án vị trí việc làm và kế hoạch số lượng người làm việc theo từng giai đoạn.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Trường thực hiện Đề án, đồng thời theo dõi quá trình vận hành Đề án để kịp thời đề xuất các phương hướng điều chỉnh, xử lý các vấn đề phát sinh với Hội đồng trường (nếu có).

- Báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng trường.

3. Các đơn vị thuộc Trường

- Triển khai thực hiện theo nội dung của Đề án.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn lực của đơn vị theo từng năm và theo giai đoạn trên cơ sở của Đề án.

- Báo cáo Ban Giám hiệu về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện theo Đề án hoặc thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

4. Viên chức và người lao động của Trường

- Thực hiện theo nội dung của Đề án và theo phân công của lãnh đạo.

- Báo cáo lãnh đạo đơn vị về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện theo Đề án.

II. VIỆC RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung đối với một phần hoặc toàn bộ nội dung của Đề án được thực hiện định kỳ theo giai đoạn hoặc đột xuất khi có quy định của pháp luật điều chỉnh, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.



Phụ lục I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2024 – 2025
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Nghị quyết số 110 /NQ-HĐT ngày 21 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa)

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chú giải
(1)	(2)	(3)
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1.1	Vị trí việc làm Hội đồng quản lý	
1.1.1	Chủ tịch Hội đồng trường	
1.1.2	Thư ký Hội đồng trường	Kiểm nhiệm
1.1.3	Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính	
1.1.4	Thành viên Hội đồng trường	Kiểm nhiệm
1.2	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý của Trường và các đơn vị thuộc Trường	
1.2.1	Hiệu trưởng	
1.2.2	Phó Hiệu trưởng	
1.2.3	Trưởng phòng	
1.2.4	Phó Trưởng phòng	
1.2.5	Trưởng khoa	
1.2.6	Phó Trưởng khoa	
1.2.7	Giám đốc Trung tâm thuộc Trường	
1.2.8	Phó Giám đốc Trung tâm thuộc Trường	
1.2.9	Tổ trưởng Tổ thuộc Trường	
1.2.10	Tổ phó Tổ thuộc Trường	
1.2.11	Trưởng Bộ môn thuộc Khoa	
1.2.12	Phụ trách văn phòng Đảng uỷ Trường	Kiểm nhiệm
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	
2.1a	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm giáo sư	
2.1b	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm phó giáo sư	



Số TT	Tên vị trí việc làm	Chú giải
2.1c	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị tiến sĩ	
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	
2.2a	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm phó giáo sư	
2.2b	Giảng viên chính (hạng II) có học vị tiến sĩ	
2.2c	Giảng viên chính (hạng II) có học vị thạc sĩ	
2.3	Giảng viên (hạng III)	
2.3a	Giảng viên (hạng III) có học vị tiến sĩ	
2.3b	Giảng viên (hạng III) có học vị thạc sĩ	
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)	
2.4a	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị tiến sĩ	
2.4b	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị thạc sĩ	
2.5	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)	
2.5a	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị tiến sĩ	
2.5b	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị thạc sĩ	
2.6	Trợ giảng (hạng III)	
2.7	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	
2.8	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	
2.9	Nghiên cứu viên (hạng III)	
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên môn dùng chung	
3.1	Chuyên viên chính quản lý hoạt động đào tạo	
3.2	Chuyên viên quản lý hoạt động đào tạo	
3.2a	Chuyên viên quản lý hoạt động đào tạo bậc 1	
3.2b	Chuyên viên quản lý hoạt động đào tạo bậc 2	
3.2c	Chuyên viên quản lý hoạt động đào tạo bậc 3	
3.3	Chuyên viên chính quản lý chất lượng đào tạo	
3.4	Chuyên viên quản lý chất lượng đào tạo	
3.4a	Chuyên viên quản lý chất lượng đào tạo bậc 1	

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chú giải
3.4b	Chuyên viên quản lý chất lượng đào tạo bậc 2	
3.4c	Chuyên viên quản lý chất lượng đào tạo bậc 3	
3.5	Chuyên viên chính quản lý sinh viên, công tác chính trị tư tưởng	
3.6	Chuyên viên quản lý sinh viên, công tác chính trị tư tưởng	
3.6a	Chuyên viên quản lý sinh viên, công tác chính trị tư tưởng bậc 1	
3.6b	Chuyên viên quản lý sinh viên, công tác chính trị tư tưởng bậc 2	
3.6c	Chuyên viên quản lý sinh viên, công tác chính trị tư tưởng bậc 3	
3.7	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	
3.8	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	
3.8a	Chuyên viên về hợp tác quốc tế bậc 1	
3.8b	Chuyên viên về hợp tác quốc tế bậc 2	
3.8c	Chuyên viên về hợp tác quốc tế bậc 3	
3.9	Chuyên viên chính về pháp chế	
3.10	Chuyên viên về pháp chế	
3.10a	Chuyên viên về pháp chế bậc 1	
3.10b	Chuyên viên về pháp chế bậc 2	
3.10c	Chuyên viên về pháp chế bậc 3	
3.11	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	
3.12	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	
3.12a	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực bậc 1	
3.12b	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực bậc 2	
3.12c	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực bậc 3	
3.13	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	
3.14	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
3.14a	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng bậc 1	
3.14b	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng bậc 2	
3.14c	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng bậc 3	
3.15	Chuyên viên chính về tổng hợp	Áp dụng chung đối với các vị trí việc làm về mảng thanh tra,
3.16	Chuyên viên về tổng hợp	
3.16a	Chuyên viên về tổng hợp bậc 1	

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chú giải
3.16b	Chuyên viên về tổng hợp bậc 2	pháp chế, khảo thí, đảm bảo chất lượng, khoa học công nghệ, cơ sở vật chất,...
3.16c	Chuyên viên về tổng hợp bậc 3	
3.17	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Áp dụng chung đối với các vị trí việc làm tại các văn phòng đoàn thể, Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính
3.18	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
3.18a	Chuyên viên về hành chính - văn phòng bậc 1	
3.18b	Chuyên viên về hành chính - văn phòng bậc 2	
3.18c	Chuyên viên về hành chính - văn phòng bậc 3	
3.19	Chuyên viên chính về truyền thông	
3.20	Chuyên viên về truyền thông	
3.20a	Chuyên viên về truyền thông bậc 1	
3.20b	Chuyên viên về truyền thông bậc 2	
3.20c	Chuyên viên về truyền thông bậc 3	
3.21	Kế toán trưởng	Kiểm nhiệm
3.22	Kế toán viên chính	
3.23	Kế toán viên	
3.23a	Kế toán viên bậc 1	
3.23b	Kế toán viên bậc 2	
3.23c	Kế toán viên bậc 3	
3.24	Thư viện viên hạng II	
3.25	Thư viện viên hạng III	
3.25a	Thư viện viên hạng III (bậc 1)	
3.25b	Thư viện viên hạng III (bậc 2)	
3.25c	Thư viện viên hạng III (bậc 3)	
3.26	Bác sĩ	
3.27	Y sĩ	
3.28	Kỹ sư	
3.28a	Kỹ sư bậc 1	
3.28b	Kỹ sư bậc 2	
3.29c	Kỹ sư bậc 3	

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chú giải
3.29	Kỹ thuật viên	
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
4.1	Nhân viên bảo vệ	
4.2	Nhân viên phục vụ	
4.3	Nhân viên kỹ thuật	
V	Vị trí việc làm khác	
5.1	Vị trí việc làm lãnh đạo các Viện, Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trực thuộc Trường	
5.1.1	Giám đốc Viện/ Giám đốc Trung tâm	Kiểm nhiệm





Phụ lục II A
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024 - 2025
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

STT	Vị trí việc làm	Tổng hợp		
		Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	102	109	109
1.1	Chủ tịch Hội đồng Trường	1	1	1
1.2	Hiệu trưởng	1	1	1
1.3	Phó Hiệu trưởng	3	3	3
1.4	Trưởng khoa/ Trưởng Phòng/ Giám đốc TTHL&TT/ Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính	17	23	23
1.5	Phó trưởng khoa/ Phó Trưởng phòng/ Tổ trưởng Tổ CNTT	39	40	40
1.6	Trưởng Bộ môn	41	41	41
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	405	433	459
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	58	91	122
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	3	3	3
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	54	78	108
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	1	10	11
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	132	153	160
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	107	120	118
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	25	33	42
2.3	Giảng viên (hạng III)	159	128	115
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	95	62	54
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	64	66	61
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)	2	9	9
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Tiến sĩ	0	1	1
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Thạc sĩ	2	8	8
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)	36	36	36
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Tiến sĩ	2	4	4
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Thạc sĩ	34	32	32
2.5	Trợ giảng	18	16	17
2.6	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	0	0	0
2.7	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	0	0	0
2.8	Nghiên cứu viên (hạng III)	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	99	105	107
3.1	Chuyên viên chính/ Kỹ sư chính/ Kế toán viên chính/ Thư viện viên hạng II	4	4	4
3.2	Chuyên viên (khoa)	18	18	18
	Văn thư	16	16	16
	Văn thư kiêm giáo vụ	2	2	2
3.3	Chuyên viên/ Kỹ sư/ Kế toán viên/ Thư viện viên hạng III	74	80	82
	Bậc 1	0	1	2
	Bậc 2	73	70	71
	Bậc 3	1	9	9
3.4	Bác sĩ	1	1	2
3.5	Y sĩ	1	1	1
3.6	Cán sự	1	1	0
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	41	41	41
4.1	Nhân viên bảo vệ	7	7	7
4.2	Nhân viên phục vụ	29	24	24
4.3	Nhân viên kỹ thuật	5	10	10
	Tổng	545	579	607

Phụ lục II B

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG)

STT	Vị trí việc làm	Phòng TCHC			Phòng Đào tạo			Phòng KT&ĐBCLGD		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
		3	3	3	3	3	3	2	3	3
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý									
1.1	Trưởng phòng/ Giám đốc/ Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính	1	1	1	0	1	1	0	1	1
1.2	Phó Trưởng phòng/ Phó Giám đốc/ Tổ Trưởng	2	2	2	3	2	2	2	2	2
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành									
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	0	0	2	2	2	2	1	1	1
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	0	0	2	2	2	2	1	1	1
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	2	2	1	0	0	0	1	1	1
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	2	2	0	0	0	0	1	1	1
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	0	0	1	0	0	0	0	0	0
2.3	Giảng viên (hạng III)	1	1	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	1	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	11	12	12	11	13	13	4	4	5
3.1	Chuyên viên chính/ Kỹ sư chính/ Kế toán viên chính/ Thư viện viên hạng II	0	0	0	1	1	1	0	0	0
3.2	Chuyên viên/ Kỹ sư/ Kế toán viên/ Thư viện viên hạng III	9	10	10	10	12	12	4	4	5
	Bậc 1	0	0	0	0	1	1	0	0	1
	Bậc 2	9	10	10	10	8	8	4	4	4
	Bậc 3	0	0	0	0	3	3	0	0	0
3.3	Bác sĩ	1	1	1	0	0	0	0	0	0
3.4	Y sĩ	1	1	1	0	0	0	0	0	0
3.5	Cán sự	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	27	27	27	0	0	0	0	0	0
4.1	Nhân viên bảo vệ	7	7	7	0	0	0	0	0	0
4.2	Nhân viên phục vụ	20	20	20	0	0	0	0	0	0
4.3	Nhân viên kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	41	42	42	13	15	15	6	6	7

4

Phụ lục II C
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG)

STT	Vị trí việc làm	Phòng KHCN&HTQT			Phòng KHTC			Phòng CSVC		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3	3	3	2	2	2	3	3	3
1.1	Trưởng phòng/ Giám đốc/ Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1.2	Phó Trưởng phòng/ Phó Giám đốc/ Tổ Trưởng	2	2	2	1	1	1	2	2	2
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	3	3	3	0	0	0	2	2	2
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	1	2	2	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	1	2	2	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	1	0	1	0	0	0	2	2	2
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	1	0	1	0	0	0	1	1	1
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	1	1	1
2.3	Giảng viên (hạng III)	1	1	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	1	1	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	3	3	3	7	9	9	12	13	13
3.1	Chuyên viên chính/ Kỹ sư chính/ Kế toán viên chính/ Thư viện viên hạng II	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Chuyên viên/ Kỹ sư/ Kế toán viên/ Thư viện viên hạng III	3	3	3	7	9	9	12	13	13
	Bậc 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bậc 2	3	3	3	7	9	9	12	13	13
	Bậc 3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Bác sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Y sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.5	Cán sự	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	0	0	0	0	0	0	10	10	10
4.1	Nhân viên bảo vệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Nhân viên phục vụ	0	0	0	0	0	0	5	0	0
4.3	Nhân viên kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	5	10	10
	Tổng	6	6	6	7	9	9	24	25	25

Phụ lục II D
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG)

STT	Vị trí việc làm	Phòng CTSV			Phòng TTPC			Trung tâm HL&TT		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3	3	3	1	2	2	2	3	3
1.1	Trưởng phòng/ Giám đốc/ Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính	1	1	1	0	1	1	1	1	1
1.2	Phó Trưởng phòng/ Phó Giám đốc/ Tổ Trưởng	2	2	2	1	1	1	1	2	2
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	2	2	2	0	0	0	1	1	1
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	2	2	2	0	0	0	1	1	1
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	2	2	2	0	0	0	1	1	1
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Giảng viên (hạng III)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	8	8	8	3	3	3	13	12	13
3.1	Chuyên viên chính/ Kỹ sư chính/ Kế toán viên chính/ Thư viện viên hạng II	0	0	0	1	1	1	1	1	1
3.2	Chuyên viên/ Kỹ sư/ Kế toán viên/ Thư viện viên hạng III	8	8	8	2	2	2	11	10	11
	Bậc 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bậc 2	8	5	5	2	2	2	11	8	9
	Bậc 3	0	3	3	0	0	0	0	2	2
3.3	Bác sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	1
3.4	Y sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.5	Cán sự	0	0	0	0	0	0	1	1	0
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	4	4	4	0	0	0	0	0	0
4.1	Nhân viên bảo vệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Nhân viên phục vụ	4	4	4	0	0	0	0	0	0
4.3	Nhân viên kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	14	14	14	3	3	3	14	13	14

Phụ lục II E
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG)

STT	Vị trí việc làm	Tổ CNTT			Văn phòng Đảng uỷ, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	1	1	1	0	0	0
1.1	Trưởng phòng/ Giám đốc/ Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính	0	0	0	0	0	0
1.2	Phó Trưởng phòng/ Phó Giám đốc/ Tổ Trưởng	1	1	1	0	0	0
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	0	0	0	0	0	0
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0
2.3	Giảng viên (hạng III)	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	5	5	5	4	5	5
3.1	Chuyên viên chính/ Kỹ sư chính/ Kế toán viên chính/ Thư viện viên hạng II	1	1	1	0	0	0
3.2	Chuyên viên/ Kỹ sư/ Kế toán viên/ Thư viện viên hạng III	4	4	4	4	5	5
	Bậc 1	0	0	0	0	0	0
	Bậc 2	3	3	3	4	5	5
	Bậc 3	1	1	1	0	0	0
3.3	Bác sĩ	0	0	0	0	0	0
3.4	Y sĩ	0	0	0	0	0	0
3.5	Cán sự	0	0	0	0	0	0
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	0	0	0	0	0	0
4.1	Nhân viên bảo vệ	0	0	0	0	0	0
4.2	Nhân viên phục vụ	0	0	0	0	0	0
4.3	Nhân viên kỹ thuật	0	0	0	0	0	0
	Tổng	5	5	5	4	5	5

Phụ lục II G
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC KHOA)

STT	Vị trí việc làm	Khoa Cơ khí			Khoa CKGT			Khoa Điện		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	6	6	6	6	7	7	5	6	6
1.1	Trưởng khoa	1	1	1	0	1	1	0	1	1
1.2	Phó trưởng khoa	2	2	2	2	2	2	2	2	2
1.3	Trưởng Bộ môn	3	3	3	4	4	4	3	3	3
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	33	35	37	40	42	44	36	38	41
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	2	5	6	5	8	10	4	8	12
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	1	1	1	1	1	1
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	2	5	6	4	7	9	2	6	11
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	1	1	0
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	10	13	13	7	16	18	16	16	15
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	10	13	13	6	13	15	15	15	14
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	1	3	3	1	1	1
2.3	Giảng viên (hạng III)	10	6	7	23	13	11	10	8	9
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	7	1	0	14	4	0	10	7	4
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	3	5	7	9	9	11	0	1	5
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)	2	2	2	0	3	3	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	1	1	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Thạc sĩ	2	2	2	0	2	2	0	0	0
2.5	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)	7	7	7	4	1	1	3	3	3
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	1	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Thạc sĩ	7	7	7	3	1	1	3	3	3

STT	Vị trí việc làm	Khoa Cơ khí			Khoa CKGT			Khoa Điện		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
2.6	Trợ giảng	2	2	2	1	1	1	3	3	2
2.7	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.8	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.9	Nghiên cứu viên (hạng III)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	2	2	2	1	1	1	1	1	1
3.1	Chuyên viên	2	2	2	1	1	1	1	1	1
	Văn thư	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Văn thư kiêm giáo vụ	1	1	1	0	0	0	0	0	0
	Tổng	35	37	39	41	43	45	37	39	42

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II H

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

(CÁC KHOA)

STT	Vị trí việc làm	Khoa CN Nhiệt - DL			Khoa ĐTVT			Khoa CNTT		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	5	5	5	6	6	6	5	6	6
1.1	Trưởng khoa	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1.2	Phó trưởng khoa	1	1	1	2	2	2	1	2	2
1.3	Trưởng Bộ môn	3	3	3	3	3	3	3	3	3
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	18	20	21	22	24	26	25	30	33
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	4	5	5	4	7	8	1	3	6
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	4	4	4	4	5	6	1	2	5
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	1	1	0	2	2	0	1	1
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	5	6	8	6	6	8	7	9	12
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	3	3	5	5	5	7	5	6	6
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	2	3	3	1	1	1	2	3	6
2.3	Giảng viên (hạng III)	7	7	6	8	7	6	15	12	9
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	3	4	3	8	6	5	8	5	4
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	4	3	3	0	1	1	7	7	5
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)	0	2	2	3	3	3	1	4	4
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	1	1	0	2	2
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Thạc sĩ	0	2	2	3	2	2	1	2	2

3

STT	Vị trí việc làm	Khoa CN Nhiệt - ĐL			Khoa ĐTVT			Khoa CNTT		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
2.6	Trợ giảng	2	0	0	1	1	1	1	2	2
2.7	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.8	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.9	Nghiên cứu viên (hạng III)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3.1	Chuyên viên	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Văn thư	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Văn thư kiêm giáo vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	19	21	22	23	25	27	26	31	34

Phụ lục II i
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC KHOA)

STT	Vị trí việc làm	Khoa XDDD&CN			Khoa XDCE			Khoa XDCTT		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	6	6	6	7	7	7	5	5	5
1.1	Trường khoa	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1.2	Phó trưởng khoa	2	2	2	2	2	2	1	1	1
1.3	Trường Bộ môn	3	3	3	4	4	4	3	3	3
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	28	29	29	43	43	43	21	21	23
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	4	6	6	9	13	19	3	4	7
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	1	1	1	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	4	5	5	8	12	16	3	4	7
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	1	1	0	0	2	0	0	0
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	10	12	12	17	14	9	5	7	7
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	8	8	7	11	10	5	4	5	4
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	2	4	5	6	4	4	1	2	3
2.3	Giảng viên (hạng III)	12	9	9	13	13	12	10	7	6
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	6	4	6	7	7	8	4	2	2
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	6	5	3	6	6	4	6	5	4
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)	1	1	1	3	3	3	3	3	3
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	1	1	1
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Thạc sĩ	1	1	1	3	3	3	2	2	2

STT	Vị trí việc làm	Khoa XDDD&CN			Khoa XDCE			Khoa XDCTT		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
2.6	Trợ giảng	1	1	1	1	0	0	0	0	0
2.7	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.8	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.9	Nghiên cứu viên (hạng III)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3.1	Chuyên viên	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Văn thư	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Văn thư kiêm giáo vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	29	30	30	44	44	44	22	22	24

Phụ lục II K
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC KHOA)

STT	Vị trí việc làm	Khoa Môi Trường			Khoa QLDA			Khoa Kiến Trúc		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	4	4	4	3	4	4	4	4	4
1.1	Trưởng khoa	1	1	1	0	1	1	1	1	1
1.2	Phó trưởng khoa	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1.3	Trưởng Bộ môn	2	2	2	2	2	2	2	2	2
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	21	21	21	22	24	26	20	24	29
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	4	7	7	1	2	6	1	2	3
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	4	5	5	1	2	6	1	1	2
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	2	2	0	0	0	0	1	1
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	8	7	7	9	10	9	4	5	9
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	5	4	4	7	8	8	2	1	2
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	3	3	3	2	2	1	2	4	7
2.3	Giảng viên (hạng III)	6	4	4	11	12	11	13	14	12
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	5	3	3	4	4	6	2	4	5
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	1	1	1	7	8	5	11	10	7
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)	3	3	3	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Thạc sĩ	3	3	3	0	0	0	0	0	0

STT	Vị trí việc làm	Khoa Môi Trường			Khoa QLDA			Khoa Kiến Trúc		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
2.6	Trợ giảng	0	0	0	1	0	0	2	3	5
2.7	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.8	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.9	Nghiên cứu viên (hạng III)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3.1	Chuyên viên	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Văn thư	1	1	1	0	0	0	1	1	1
	Văn thư kiêm giáo vụ	0	0	0	1	1	1	0	0	0
	Tổng	22	22	22	23	25	27	21	25	30

Phụ lục II L
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
(CÁC KHOA)

STT	Vị trí việc làm	Khoa Hóa			Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	7	7	7	5	5	5
1.1	Trưởng khoa	1	1	1	1	1	1
1.2	Phó trưởng khoa	2	2	2	2	2	2
1.3	Trưởng Bộ môn	4	4	4	2	2	2
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	45	49	51	11	13	15
2.1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	7	9	11	1	2	4
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Giáo sư	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học hàm Phó giáo sư	7	8	10	1	2	4
	Giảng viên cao cấp (hạng I) có học vị Tiến sĩ	0	1	1	0	0	0
2.2	Giảng viên chính (hạng II)	15	19	20	3	5	5
	Giảng viên chính (hạng II) có học hàm Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Tiến sĩ	14	17	17	3	5	5
	Giảng viên chính (hạng II) có học vị Thạc sĩ	1	2	3	0	0	0
2.3	Giảng viên (hạng III)	14	10	9	5	4	4
	Giảng viên (hạng III) có học vị Tiến sĩ	11	7	6	5	3	2
	Giảng viên (hạng III) có học vị Thạc sĩ	3	3	3	0	1	2
2.4	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính)	0	3	3	0	1	1
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng II (Giảng viên thực hành chính) có học vị Thạc sĩ	0	3	3	0	1	1
2.5	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành)	6	5	5	2	1	1
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
	Giảng viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực hành hạng III (Giảng viên thực hành) có học vị Thạc sĩ	6	5	5	2	1	1

STT	Vị trí việc làm	Khoa Hóa			Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến		
		Hiện nay	2024	2025	Hiện nay	2024	2025
2.6	Trợ giảng	3	3	3	0	0	0
2.7	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	0	0	0	0	0	0
2.8	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	0	0	0	0	0	0
2.9	Nghiên cứu viên (hạng III)	0	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	1	1	1	4	4	4
3.1	Chuyên viên	1	1	1	4	4	4
	Văn thư	1	1	1	4	4	4
	Văn thư kiêm giáo vụ	0	0	0	0	0	0
	Tổng	46	50	52	15	17	19



Phụ lục III

KHUNG CẤP ĐỘ XÁC ĐỊNH YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC ĐỐI VỚI VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN VIÊN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

STT	Nhiệm vụ	Chuyên viên chính/ chuyên viên Bậc 3	Tiêu chí đánh giá công việc	Chuyên viên - Bậc 2	Tiêu chí đánh giá công việc	Chuyên viên - Bậc 1	Tiêu chí đánh giá công việc
1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án, dự án.	- Tham gia xây dựng đề án thuộc ngành, lĩnh vực công tác được phân công. - Tham gia xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công. - Chủ trì xây dựng các văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công.	Công tác được thực hiện theo quy định	- Tham gia xây dựng các văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công. - Soạn thảo các quy định cụ thể, các văn bản khác thuộc phần việc được phân công.	Công tác được thực hiện theo quy định	- Tham gia xây dựng các văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công. - Soạn thảo các quy định cụ thể, các văn bản khác thuộc phần việc được phân công.	Công tác được thực hiện theo quy định
2	Hướng dẫn và triển khai thực hiện các văn bản.	- Tham gia xây dựng hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác được phân công. - Tham gia hướng dẫn thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức cùng ngạch hoặc ngạch thấp hơn.	Bảo đảm đúng tiến độ, kế hoạch, thời gian, chất lượng theo yêu cầu của lãnh đạo	- Khả năng hướng dẫn thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức cùng ngạch hoặc ngạch thấp hơn.	Bảo đảm đúng tiến độ, kế hoạch, thời gian, chất lượng theo yêu cầu của lãnh đạo		Bảo đảm đúng tiến độ, kế hoạch, thời gian, chất lượng theo yêu cầu của lãnh đạo
3	Kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các văn bản.	- Chủ trì tổ chức kiểm tra, phân tích đánh giá, báo cáo tổng kết việc thực hiện các văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công.	Văn bản báo cáo kết quả kiểm tra được thực hiện đúng thời hạn quy định	-Tổ chức theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện các văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công	Văn bản báo cáo kết quả kiểm tra được thực hiện đúng thời hạn quy định		Văn bản báo cáo kết quả kiểm tra được thực hiện đúng thời hạn quy định

3

STT	Nhiệm vụ	Chuyên viên chính/ chuyên viên Bậc 3	Tiêu chí đánh giá công việc	Chuyên viên - Bậc 2	Tiêu chí đánh giá công việc	Chuyên viên - Bậc 1	Tiêu chí đánh giá công việc
4	Tham gia thẩm định các văn bản	-Tham gia thẩm định các văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công	Nội dung tham gia góp ý được hoàn thành theo đúng kế hoạch, chất lượng do người chủ trì giao	- Tham gia góp ý văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công.	Nội dung tham gia góp ý được hoàn thành theo đúng kế hoạch, chất lượng do người chủ trì giao	- Tham gia góp ý văn bản thuộc lĩnh vực công tác được phân công.	Nội dung tham gia góp ý được hoàn thành theo đúng kế hoạch, chất lượng do người chủ trì giao
5	Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.	- Tham gia tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo nhiệm vụ được phân công.	Đảm bảo quy trình công tác và theo đúng kế hoạch về tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc	- Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo nhiệm vụ được phân công.	Đảm bảo quy trình công tác và theo đúng kế hoạch về tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc	- Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan và các công chức khác triển khai công việc, thực hiện đúng thẩm quyền và trách nhiệm được giao.	Đảm bảo quy trình công tác và theo đúng kế hoạch về tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc
6	Phối hợp thực hiện	Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến ngành, lĩnh vực nhiệm vụ được phân công	1. Công việc, nhiệm vụ được giao thông suốt, tạo được mối quan hệ công tác phát triển hiệu quả cao. 2. Nội dung phối hợp được hoàn thành đạt chất lượng, theo đúng tiến độ kế hoạch	Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến ngành, lĩnh vực nhiệm vụ được phân công	1. Công việc, nhiệm vụ được giao thông suốt, tạo được mối quan hệ công tác phát triển hiệu quả cao. 2. Nội dung phối hợp được hoàn thành đạt chất lượng, theo đúng tiến độ kế hoạch	Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến ngành, lĩnh vực nhiệm vụ được phân công	1. Công việc, nhiệm vụ được giao thông suốt, tạo được mối quan hệ công tác phát triển hiệu quả cao. 2. Nội dung phối hợp được hoàn thành đạt chất lượng, theo đúng tiến độ kế hoạch

STT	Nhiệm vụ	Chuyên viên chính/ chuyên viên Bậc 3	Tiêu chí đánh giá công việc	Chuyên viên - Bậc 2	Tiêu chí đánh giá công việc	Chuyên viên - Bậc 1	Tiêu chí đánh giá công việc
7	Thực hiện nhiệm vụ chung, hội họp	Tham dự các cuộc họp liên quan đến lĩnh vực chuyên môn ở trong và ngoài đơn vị theo phân công	Tham dự đầy đủ, chuẩn bị tài liệu và ý kiến phát biểu theo yêu cầu	Tham dự các cuộc họp liên quan đến lĩnh vực chuyên môn ở trong và ngoài đơn vị theo phân công	Tham dự đầy đủ, chuẩn bị tài liệu và ý kiến phát biểu theo yêu cầu	Tham dự các cuộc họp liên quan đến lĩnh vực chuyên môn ở trong và ngoài đơn vị theo phân công	Tham dự đầy đủ, chuẩn bị tài liệu và ý kiến phát biểu theo yêu cầu
8	Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác năm, quý, tháng, tuần của cá nhân.		Xây dựng, thực hiện kế hoạch theo đúng kế hoạch công tác của đơn vị, cơ quan và nhiệm vụ được giao		Xây dựng, thực hiện kế hoạch theo đúng kế hoạch công tác của đơn vị, cơ quan và nhiệm vụ được giao		Xây dựng, thực hiện kế hoạch theo đúng kế hoạch công tác của đơn vị, cơ quan và nhiệm vụ được giao
9	Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công						
Yêu cầu về Trình độ		Tốt nghiệp Thạc sĩ phù hợp với vị trí việc làm					
Yêu cầu khác		Đối với chuyên viên chính: viên chức đang giữ chức vụ Phó/trưởng đơn vị chức năng					



Phụ lục IV
MẪU BẢN MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Tên Vị trí việc làm:		Mã vị trí việc làm:
		Ngày bắt đầu thực hiện:
Địa điểm làm việc:	Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng	
Quy trình công việc liên quan:	(Tên tài liệu, quy trình công việc liên quan đến vị trí việc làm)	

- 1- Mục tiêu vị trí việc làm
(Tóm tắt tổng quan về vị trí việc làm.)
- 2- Các công việc và tiêu chí đánh giá

TT	Các nhiệm vụ, công việc		Tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc
	Nhiệm vụ, mảng công việc	Công việc cụ thể	
2.1			
2.2			
2.3			
2.4	Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo phân công.		

- 3- Các mối quan hệ công việc
- 3.1- Bên trong

Được quản lý trực tiếp và kiểm duyệt kết quả bởi	Quan hệ phối hợp trực tiếp trong đơn vị	Các đơn vị phối hợp chính

- 3.2- Bên ngoài

Cơ quan, tổ chức có quan hệ chính	Bản chất quan hệ

- 4- Phạm vi quyền hạn

TT	Quyền hạn cụ thể
4.1	Được chủ động về phương pháp thực hiện công việc được giao.
4.2	Tham gia ý kiến về các việc chuyên môn của đơn vị.



4.3	Được cung cấp các thông tin chỉ đạo điều hành của tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định.
4.4	Được yêu cầu cung cấp thông tin và đánh giá mức độ xác thực của thông tin phục vụ cho nhiệm vụ được giao.
4.5	Được tham gia các cuộc họp trong và ngoài đơn vị theo sự phân công của lãnh đạo.

5- Các yêu cầu về trình độ, năng lực

5.1- Yêu cầu về trình độ

Nhóm yêu cầu	Yêu cầu cụ thể
Trình độ đào tạo	- Tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm. ...
Kiến thức bổ trợ	
Kinh nghiệm (thành tích công tác)	
Phẩm chất cá nhân	- Tuyệt đối trung thành, tin tưởng, nghiêm túc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của cơ quan. - Tinh thần trách nhiệm cao với công việc, với tập thể, phối hợp công tác tốt. - Trung thực, thẳng thắn, kiên định nhưng biết lắng nghe. - Điềm tĩnh, nguyên tắc, cẩn thận, bảo mật thông tin. - Khả năng đoàn kết nội bộ. - Chịu được áp lực trong công việc. - Tập trung, sáng tạo, tư duy độc lập và logic. - Phẩm chất khác (phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm).
Các yêu cầu khác	- Có khả năng tham mưu, xây dựng, thực hiện, kiểm tra và thẩm định các chủ trương, chính sách, nghị quyết, kế hoạch, giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. - Có khả năng cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công. - Có khả năng đề xuất những chủ trương, xây dựng quy trình nội bộ và giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. - Áp dụng thành thạo các kiến thức, kỹ thuật xây dựng, ban hành văn bản vào công việc theo yêu cầu của vị trí việc làm. - Các yêu cầu khác theo quy định đối với vị trí việc làm.

5.2- Yêu cầu về năng lực

Nhóm năng lực	Năng lực cụ thể	Cấp độ*
Nhóm năng lực chung	- Đạo đức và bản lĩnh	
	- Tổ chức thực hiện công việc	
	- Soạn thảo và ban hành văn bản	
	- Giao tiếp ứng xử	
	- Quan hệ phối hợp	
	- Sử dụng ngoại ngữ	
	- Sử dụng công nghệ thông tin	
Nhóm năng lực chuyên môn	- Khả năng tham mưu xây dựng các văn bản	
	- Khả năng hướng dẫn thực hiện các văn bản	
	- Khả năng kiểm tra việc thực hiện các văn bản	
	- Khả năng thẩm định, góp ý các văn bản	
	- Khả năng thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	
Nhóm năng lực quản lý	- Tư duy chiến lược	
	- Quản lý sự thay đổi	
	- Ra quyết định	
	- Quản lý nguồn lực	
	- Phát triển đội ngũ	

* Cấp độ của khung năng lực thể hiện mức độ thành thạo công việc hay mức độ hoàn thành nhiệm vụ, từ mức 1 đến mức 5 theo cấp độ tăng dần. Trong đó cấp 1 tương ứng với “cơ bản” đến cấp 5 tương ứng với “chuyên gia”.

Phê duyệt của lãnh đạo

PHỤ LỤC V
KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI
TRONG GIAI ĐOẠN 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-ĐHBK ngày 21 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cơ sở pháp lý:

- Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

2. Mục tiêu và đối tượng áp dụng:

- Mục tiêu:
 - + Đáp ứng về nguồn lực chuyên gia nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và làm việc cho các chương trình quốc tế có sử dụng tiếng nước ngoài.
 - + Thực hiện mục tiêu trọng điểm của Nhà trường về quốc tế hóa trong giai đoạn 2024 – 2025.
- Đối tượng áp dụng: Chuyên gia người nước ngoài (giảng viên) có đủ căn cứ pháp luật, trình độ và kinh nghiệm để đáp ứng theo yêu cầu của mỗi vị trí việc làm.

II. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Xác định vị trí việc làm:

Với nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp chính là giảng dạy, các chuyên gia nước ngoài thực hiện công tác giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác (gọi chung là nhiệm vụ khác) được cấp trên phân công hoặc theo các văn bản thỏa thuận hợp tác.

Bên cạnh các nhiệm vụ khác được giao, chuyên gia cần chủ động đóng góp ý kiến tích cực, xây dựng kế hoạch giảng dạy, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế của Nhà trường.

Nhiệm vụ của giảng viên nước ngoài được nêu tại mục này được tham khảo từ nhiệm vụ của giảng viên (hạng III) thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 40/2020/TT-GDĐT và tuân thủ giờ giảng dạy, thực hiện công tác chuyên môn và hỗ trợ sinh viên theo phân công, cụ thể:

- Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá đồ án tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

- Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; nghiên cứu khoa học, phát triển các chương trình hợp tác;

- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt;

- Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp trên hoặc theo các văn bản thỏa thuận hợp tác đã ký.

2. Số lượng người làm việc:

Giai đoạn	Hiện có	Dự kiến tuyển dụng mới*	
		Năm 2024	Năm 2025
Số lượng chuyên gia nước ngoài	00	02	02

* Dữ liệu dự kiến và được phân bổ vào từng vị trí việc làm căn cứ trên nhu cầu thực tế theo định hướng phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Giám hiệu:

- Phê duyệt kế hoạch, phân công triển khai, giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch đến Phòng Đào tạo.

- Chỉ đạo đơn vị thực hiện kế hoạch, theo dõi giám sát và kịp thời đưa ra các biện pháp, phương hướng hiệu chỉnh, xử lý các vấn đề xuất hiện trong quá trình triển khai kế hoạch.

2. Các đơn vị thuộc Trường:

- Xây dựng kế hoạch về việc tuyển dụng chuyên gia nước ngoài theo từng vị trí việc làm để phù hợp với mục tiêu quốc tế hóa của Trường giai đoạn 2024 – 2025;

- Triển khai kế hoạch theo quyết định phê duyệt của Ban Giám hiệu;

- Phối hợp với các Phòng chức năng để tiến hành thực hiện nội dung kế hoạch;

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Giám hiệu;

- Đơn vị thuộc Trường triển khai tuyển dụng giảng viên nước ngoài có trách nhiệm quản lý trực tiếp giảng viên.

3. Người lao động nước ngoài



- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm liên quan trong kế hoạch.
- Làm việc theo phân công của lãnh đạo đơn vị, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị về kết quả và hiệu quả công việc được giao./.

